

THÔNG BÁO
Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế
Tháng 9 năm học 2018 - 2019

Biểu mẫu 6

STT	Nội dung		Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
				Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh		1073	236	177	230	216	214
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày		1073	236	177	230	216	214
III	Số HS chia theo năng lực, phẩm chất		1073	236	177	230	216	214
1	<i>Tốt</i> (tỷ lệ % so với tổng số)	NL/TL	923 86,02	204 86,42	169 95,48	197 85,65	179 82,87	174 81,31
		PC/TL	956 89,10	221 93,64	170 96,04	199 86,52	179 82,87	187 87,35
	<i>Đạt</i> (tỷ lệ % so với tổng số)	NL/TL	150 13,98	32 13,58	8 4,52	33 14,35	37 17,13	40 18,69
		PC/TL	117 10,90	15 6,36	7 3,96	31 13,48	37 17,13	27 12,65
3	<i>Cần cố gắng</i> (tỷ lệ % so với tổng số)		0	0	0	0	0	0
IV	Số HS chia theo kết quả học tập		1073	236	177	230	216	214
a	<i>Hoàn thành tốt</i> (tỷ lệ % so với tổng số)		868 80,89	182 77,12	151 85,31	180 78,26	182 84,26	173 80,84
b	<i>Hoàn thành</i> (tỷ lệ % so với tổng số)		205 19,11	54 22,88	26 14,69	50 21,74	34 15,74	41 19,16
c	<i>Chưa hoàn thành</i> (tỷ lệ % so với tổng số)		0	0	0	0	0	0
V	Tổng hợp kết quả cuối năm		1073	236	177	230	216	214
1	<i>Lên lớp</i> (tỷ lệ % so với tổng số)		1073 100	236 100	177 100	230 100	216 100	214 100
a	<i>Trong đó:</i> <i>HS được khen thưởng cấp trường</i> (tỷ lệ % so với tổng số)		999 93,10	227 96,19	164 92,66	215 93,48	213 98,61	180 84,11
b	<i>HS được cấp trên khen thưởng</i> (tỷ lệ % so với tổng số)		14 1,30	0	0	1 0,43	4 1,85	9 4,21
2	<i>Ở lại lớp</i> (tỷ lệ % so với tổng số)		0	0	0	0	0	0

Phạm Văn Cội, ngày 01 tháng 9 năm 2018
Thủ trưởng đơn vị